

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG NỀN TẢNG VÀ DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN CONTAINER (Nhà vận tải doanh nghiệp – ADV – Sàn)

Số:/HĐNT/2026

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, pháp luật về thuế, hóa đơn, chứng từ, vận tải đường bộ, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu, thanh toán không dùng tiền mặt và các quy định pháp luật có liên quan.

Căn cứ nhu cầu hợp tác giữa Các Bên trong việc sử dụng nền tảng ContainerGo để kết nối, điều phối, theo dõi, đối soát và thực hiện dịch vụ vận chuyển container đường bộ;

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, Các Bên gồm có:

BÊN A: NHÀ VẬN TẢI DOANH NGHIỆP THAM GIA NỀN TẢNG

Tên đơn vị	
Địa chỉ	
Mã số thuế	
Đại diện	
Chức vụ	
Điện thoại	
Email	
Tài khoản ngân hàng	

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN ADDED-VALUE

Địa chỉ	BT 4E - 11&12, Đường Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế	0103683340
Đại diện	Nguyễn Xuân Trúc
Chức vụ	Tổng giám đốc
Điện thoại	0986839665
Tài khoản ngân hàng	0571100999002 - TMCP Quân đội, CN Hoàn Kiếm

BÊN C: CÔNG TY TNHH CONTAINERGO ADV-TCIS

Địa chỉ	Số nhà 329, Đường ống nước thô D2400mm, Khu phố Đông Tác, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế	3703416984

Đại diện	Trần Văn Thái
Chức vụ	Giám đốc
Điện thoại	0981135379
Tài khoản ngân hàng	795888888889 - TMCP Quân đội, CN Nguyễn Tri Phương, TP.HCM

Bên A, Bên B và Bên C sau đây gọi riêng là “Bên”, gọi chung là “Các Bên”.

Điều 1. Giải thích vai trò và thuật ngữ

1.1. Trong Hợp đồng này:

(i) Bên C là đơn vị sở hữu, quản trị và vận hành nền tảng ContainerGo; Bên C không phải là đơn vị sở hữu hàng hóa và không phải là như đơn vị cung ứng trung gian thanh toán.

(ii) Bên B là đầu mối thương mại, điều phối giao dịch, đối soát, thanh toán và thực hiện xuất hóa đơn cho khách hàng/chủ hàng theo từng giao dịch phù hợp;

(iii) Bên A là Nhà vận tải doanh nghiệp tham gia nền tảng, trực tiếp cung cấp dịch vụ vận chuyển bằng phương tiện, tài xế và năng lực vận hành của mình.

1.2. “Nền tảng” hoặc “ContainerGo” là hệ thống phần mềm, website, ứng dụng, API, cổng kết nối, cơ sở dữ liệu và các công cụ điện tử liên quan do Bên C quản lý, vận hành hoặc kiểm soát hợp pháp.

1.3. “Đơn hàng” là yêu cầu vận chuyển container được tạo lập và xác nhận trên nền tảng hoặc qua thông điệp dữ liệu hợp lệ, bao gồm tối thiểu điểm nhận, điểm giao, loại container, thời gian, giá cước, phụ phí, khoản chi hộ, yêu cầu vận hành và các điều kiện liên quan.

1.4. “POD” là chứng từ xác nhận giao nhận/hoàn tất giao dịch, có thể ở dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử hợp lệ theo quy trình của Bên B/Bên C.

1.5. “Bảng kê” là bảng tổng hợp giao dịch, giá trị thanh toán, phụ phí, khoản chi hộ, khoản khấu trừ, khoản bù trừ, thuế và các nghĩa vụ tài chính liên quan trong kỳ đối soát.

1.6. “No-show” là trường hợp Bên A đã xác nhận đơn hàng nhưng không bố trí xe/tài xế đến thực hiện theo thời gian, địa điểm hoặc điều kiện đã xác nhận mà không có lý do hợp lệ được Bên B chấp thuận.

Điều 2. Mục đích, phạm vi hợp tác và nguyên tắc pháp lý

2.1. Các Bên thống nhất hợp tác để sử dụng nền tảng ContainerGo trong việc tiếp nhận, kết nối, điều phối, theo dõi và thực hiện dịch vụ vận chuyển container đường bộ.

2.2. Hợp đồng này là hợp đồng nguyên tắc điều chỉnh quan hệ hợp tác giữa Các Bên. Giá cước, tuyến vận chuyển, thời gian thực hiện, yêu cầu riêng, phụ phí và khoản chi hộ được xác định theo báo giá, phụ lục, xác nhận giao dịch trên sàn hoặc thông điệp dữ liệu được Các Bên chấp thuận.

2.3. Hợp đồng này không làm phát sinh quan hệ lao động, liên doanh, đại lý độc quyền hoặc pháp nhân mới giữa Các Bên. Bên A là nhà cung cấp dịch vụ độc lập và tự chịu trách nhiệm đối với nhân sự, phương tiện, tài xế và các bên do mình huy động.

2.4. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Hợp đồng này và một xác nhận giao dịch cụ thể, xác nhận giao dịch cụ thể được ưu tiên áp dụng đối với giao dịch đó, với điều kiện không trái quy định pháp luật bắt buộc.

Điều 3. Điều kiện tham gia, hồ sơ pháp lý và cam kết của Bên A

3.1. Bên A cam kết có đầy đủ tư cách pháp lý, ngành nghề kinh doanh phù hợp, giấy phép/điều kiện kinh doanh vận tải theo quy định pháp luật và quyền hợp pháp đối với phương tiện sử dụng để thực hiện vận chuyển.

3.2. Bên A có trách nhiệm duy trì đầy đủ, còn hiệu lực các hồ sơ, giấy tờ cần thiết theo quy định pháp luật và theo yêu cầu hợp lý của Bên B/Bên C, bao gồm nhưng không giới hạn ở giấy đăng ký doanh nghiệp, mã số thuế, giấy phép kinh doanh vận tải/điều kiện vận tải nếu áp dụng, đăng ký xe, đăng kiểm, phù hiệu, bảo hiểm bắt buộc, hồ sơ đầu kéo/rơ-mooc, hồ sơ tài xế, hợp đồng lao động/ủy quyền và các tài liệu pháp lý liên quan.

3.3. Khi có thay đổi về thông tin pháp lý, người đại diện, phương tiện, tài xế, tài khoản ngân hàng hoặc giấy tờ pháp lý, Bên A phải cập nhật cho Bên B/Bên C trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi.

3.4. Bên A chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và còn hiệu lực của toàn bộ hồ sơ, thông tin đã cung cấp. Trường hợp hồ sơ hoặc thông tin sai, hết hiệu lực hoặc không đầy đủ làm phát sinh thiệt hại, xử phạt hoặc không thể thanh toán, Bên A phải chịu trách nhiệm tương ứng và bồi hoàn cho Bên B/Bên C.

3.5. Bên B/Bên C có quyền yêu cầu Bên A bổ sung, cập nhật hoặc xuất trình bản gốc/bản sao hợp lệ của hồ sơ vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn Hợp đồng khi xét thấy cần thiết để đáp ứng yêu cầu pháp lý, kiểm tra nội bộ hoặc yêu cầu của khách hàng/chủ hàng.

Điều 4. Nguyên tắc tạo lập, xác nhận và thực hiện đơn hàng

4.1. Đơn hàng được tạo, xác nhận và quản lý trên nền tảng ContainerGo hoặc qua các kênh điện tử được Bên C chấp nhận như email, ứng dụng, API, tin nhắn hoặc văn bản điện tử khác.

4.2. Giao dịch phát sinh khi đơn hàng được xác nhận trên sàn hoặc được xác nhận điện tử hợp lệ bởi Bên B/Bên C và Bên A. Bên A không được viện dẫn lý do chưa có văn bản giấy để từ chối trách nhiệm đối với đơn hàng đã được xác nhận hợp lệ bằng phương thức điện tử.

4.3. Bên A có trách nhiệm thực hiện vận chuyển đúng thông tin đơn hàng, cập nhật trạng thái, hình ảnh, POD, sự cố phát sinh, dữ liệu vị trí và các dữ liệu liên quan lên hệ thống theo hướng dẫn vận hành.

4.4. Dữ liệu ghi nhận trên nền tảng của Bên C được xem là căn cứ ưu tiên để xác định trạng thái giao dịch, với điều kiện dữ liệu đó được trích xuất từ hệ thống gốc, còn nguyên vẹn và có thể kiểm tra đối chiếu. Trường hợp có chênh lệch hoặc tranh chấp, Các Bên phải đối chiếu đồng thời với POD, dữ liệu GPS, email/thông điệp dữ liệu, ảnh hiện trường, EIR/biên bản giao nhận nếu có và các chứng từ liên quan khác để xác định sự thật giao dịch.

4.5. Bên A không được tự ý hủy đơn hàng, từ chối thực hiện đơn hàng đã xác nhận hoặc chuyển giao toàn bộ hay một phần đơn hàng cho bên thứ ba, trừ trường hợp đã được Bên B chấp thuận trước bằng văn bản, trên hệ thống hoặc theo danh sách/phạm vi nhà thầu phụ, phương tiện, tài xế đã được Bên B/Bên C phê duyệt hợp lệ; trong mọi trường hợp, Bên A vẫn chịu trách nhiệm cuối cùng đối với toàn bộ việc thực hiện đơn hàng và hành vi của bên do mình huy động.

4.6. Trường hợp phát sinh sự cố, tai nạn, chậm giao, giao sai, container/hàng hóa không phù hợp hoặc phát sinh chi phí bất thường, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B/Bên C ngay khi phát hiện để phối hợp xử lý; việc chậm thông báo dẫn đến tăng thiệt hại sẽ làm phát sinh trách nhiệm tương ứng của Bên A.

4.7. Bên A có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành, quy định an toàn, yêu cầu tại điểm giao/nhận hàng và các hướng dẫn hợp lệ mà Bên B/Bên C hoặc khách hàng/chủ hàng ban hành đối với từng giao dịch cụ thể.

4.8. Quy trình xử lý sự cố, issue và tổn thất trong quá trình vận chuyển

Khi phát sinh sự cố, issue, tổn thất, khiếu nại hoặc bất thường trong quá trình vận chuyển, bao gồm nhưng không giới hạn: no-show, hủy chuyến, chậm giao, giao sai, tai nạn, hư hỏng hàng hóa/container, sai/mất seal, thiếu POD/GPS/EIR, thiếu hình ảnh/chứng từ hoặc phát sinh chi phí bất thường, Các Bên thực hiện theo Quy trình kiểm soát issue/tổn thất trong quá trình vận chuyển do Bên B/Bên C ban hành, thông báo hoặc cập nhật trong từng thời kỳ.

Bên A có trách nhiệm thông báo kịp thời, phối hợp mở ticket, khóa chứng cứ, cung cấp đầy đủ POD, EIR, GPS, hình ảnh, biên bản hiện trường, thông điệp dữ liệu và các chứng từ liên quan. Việc xác định trách nhiệm, tạm giữ thanh toán, khấu trừ, bù trừ hoặc bồi thường chỉ được thực hiện trên cơ sở chứng cứ hợp lệ, phạm vi lỗi thực tế và phần giá trị trực tiếp liên quan đến sự cố

Điều 5. Giá cước, phụ phí, khoản chi hộ và chứng từ

5.1. Giá cước vận chuyển và điều chỉnh theo biến động nhiên liệu

Giá cước vận chuyển của từng giao dịch được xác định theo Hợp đồng, phụ lục giá, báo giá, bảng giá, chính sách giá, xác nhận giao dịch trên Nền tảng hoặc thỏa thuận hợp lệ khác giữa Các Bên. Trường hợp Các Bên đã có thỏa thuận riêng về giá cố định, bảng giá riêng hoặc cơ chế điều chỉnh giá riêng theo từng khách hàng, tuyến vận chuyển hoặc giai đoạn áp dụng, giá cước và việc điều chỉnh giá được thực hiện theo thỏa thuận riêng đó.

Trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác, giá cước vận chuyển được xác lập trên cơ sở đơn giá nhiên liệu dầu DO do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Petrolimex công bố tại thời điểm xác lập giá. Khi đơn giá nhiên liệu dầu DO do Petrolimex công bố tăng hoặc giảm quá 5% so với đơn giá nhiên liệu cơ sở dùng để xác lập giá cước hiện tại, giá cước vận chuyển được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá cước mới} = \text{Giá cước hiện tại} + (\text{Giá cước hiện tại}) \times 35\% \times \frac{(\text{Giá dầu mới} - \text{Giá dầu cơ sở})}{\text{Giá dầu cơ sở}}$$

Trong đó :

Giá dầu cơ sở là đơn giá dầu DO do Petrolimex công bố tại thời điểm xác lập giá cước hiện tại;

Giá dầu mới là đơn giá dầu DO do Petrolimex công bố tại thời điểm điều chỉnh;

35% là tỷ trọng chi phí nhiên liệu được Các Bên thống nhất dùng làm cơ sở tính mức điều chỉnh giá cước.

Căn cứ điều chỉnh giá là thông báo giá xăng dầu chính thức của Petrolimex được công bố trên website www.petrolimex.com.vn hoặc nguồn công bố chính thức khác của Petrolimex tại từng thời điểm. Giá cước điều chỉnh có hiệu lực kể từ thời điểm đơn giá nhiên liệu mới có hiệu lực theo thông báo của Petrolimex, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác.

Giá cước điều chỉnh chỉ áp dụng đối với các đơn hàng/chuyến vận chuyển chưa bắt đầu thực hiện, chưa điều xe thực tế, chưa nhận container/hàng hóa hoặc chưa được xác nhận ở trạng thái đang thực hiện/đang vận chuyển trên Nền tảng hoặc theo xác nhận vận hành tương ứng. Các chuyến vận chuyển đã bắt đầu thực hiện, đang vận chuyển, đã giao hàng hoặc đã hoàn tất trước thời điểm đơn giá nhiên liệu mới có hiệu lực không bị điều chỉnh hồi tố, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản hoặc xác nhận hợp lệ.

5.2. Các khoản phụ phí và khoản chi hộ hợp lệ phát sinh liên quan trực tiếp đến giao dịch chỉ được chấp nhận khi: (i) có xác nhận theo quy trình của Bên B/Bên C; (ii) có chứng từ phù hợp theo quy định pháp luật hoặc quy định vận hành đã được thông báo; và (iii) được thông báo trong thời hạn hợp lý để Bên B xem xét, xác nhận.

5.3. Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các chứng từ, hình ảnh, hóa đơn, biên nhận, chứng từ thanh toán và tài liệu liên quan để chứng minh tính hợp lệ của phụ phí/khoản chi hộ. Trường hợp thiếu chứng từ, chứng từ không hợp lệ hoặc nộp chậm, Bên B có quyền từ chối thanh toán phần giá trị tương ứng.

5.4. Trừ khi có thỏa thuận khác, giá cước và phụ phí được hiểu là chưa bao gồm thuế GTGT áp dụng theo quy định pháp luật đối với chủ thể có nghĩa vụ thuế tương ứng.

5.5. Bên B có quyền từ chối thanh toán các khoản chi hộ hoặc phụ phí không được phê duyệt hợp lệ, vượt quá mức hợp lý thị trường, không có chứng từ phù hợp hoặc phát sinh do lỗi, sơ suất hay vi phạm quy trình của Bên A.

5.6. Chi phí nhiên liệu xuất hóa đơn cho Bên B

Trong trường hợp Bên B có hợp đồng, thỏa thuận hoặc tài khoản giao dịch với đơn vị cung cấp nhiên liệu, Bên A được sử dụng nhiên liệu tại các đơn vị này để thực hiện các chuyến vận chuyển đã xác nhận trên Nền tảng. Hóa đơn nhiên liệu được đơn vị cung cấp phát hành trực tiếp cho Bên B theo thông tin pháp lý và mã số thuế của Bên B. Chi phí nhiên liệu chỉ được ghi nhận khi có hóa đơn/chứng từ hợp lệ và có thông tin đối chiếu với phương tiện, tài xế, thời gian phát sinh, tuyến vận chuyển hoặc mã chuyến/mã đơn hàng tương ứng.

Trừ khi có thỏa thuận khác, tổng chi phí nhiên liệu được ghi nhận để khấu trừ trong tháng không vượt quá **50% tổng giá trị cước vận chuyển** đủ điều kiện thanh toán của Bên A trong tháng đó, không bao gồm thuế GTGT, phụ phí, khoản chi hộ, tiền phạt, bồi thường hoặc phần giá trị đang tranh chấp/tạm giữ.

Bên A không được sử dụng nhiên liệu theo cơ chế này cho mục đích ngoài các chuyến vận chuyển trên Nền tảng. Trường hợp chi phí nhiên liệu không đủ chứng từ, không gắn với giao dịch thực tế, vượt mức trần hoặc có dấu hiệu sử dụng sai mục đích, Bên B có quyền từ chối ghi nhận, khấu trừ, tạm giữ thanh toán hoặc yêu cầu Bên A bồi hoàn.

5.7. Quy trình kiểm soát cước/tạm thu sửa chữa container khi trả rỗng tại depot

Trường hợp trong quá trình trả rỗng container tại depot phát sinh yêu cầu cước, tạm thu, sửa chữa, vệ sinh, cleaning, detention hoặc khoản chi khác liên quan đến tình trạng container, Các Bên thực hiện theo **Quy trình kiểm soát cước/tạm thu sửa chữa container tại depot khi trả rỗng** do Bên B/Bên C ban hành, thông báo hoặc cập nhật trong từng thời kỳ.

Bên A, tài xế, điều phối hoặc nhân sự do Bên A huy động không được tự ý nộp tiền, ký nhận lỗi, cam kết bồi thường hoặc thanh toán vào tài khoản cá nhân khi chưa có phê duyệt hợp lệ của Bên B/Bên C hoặc bên có thẩm quyền theo quy trình. Mọi khoản chi tại depot chỉ được xem là chi hộ/tạm ứng để xử lý hiện trường, không đồng nghĩa với việc xác nhận trách nhiệm cuối cùng. Trách nhiệm tài chính cuối cùng được xác định sau khi đối chiếu Laden EIR, MT EIR, hình ảnh, biên bản depot, chứng từ thanh toán và các chứng cứ liên quan.

Điều 6. Đối soát, bảng kê, hóa đơn, khấu trừ và thanh toán

6.1. Việc đối soát được thực hiện theo từng chuyến sau khi chuyến vận chuyển hoàn tất, trên cơ sở trạng thái đơn hàng, POD, dữ liệu GPS, xác nhận điện tử, EIR/biên bản giao nhận/ảnh hiện trường nếu có và các chứng từ liên quan. Trường hợp vận chuyển nguyên container, nguyên seal, chứng cứ về tình trạng container, số seal, thời điểm nhận/giao và biên bản bất thường tại hiện trường là căn cứ quan trọng để xác định trách nhiệm của Các Bên.

6.2. Dữ liệu các chuyến đã hoàn tất được tổng hợp vào bảng kê đối soát theo kỳ tháng, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác bằng phụ lục, xác nhận giao dịch hoặc trên Nền tảng. Trong vòng 03 ngày làm việc

kể từ ngày bảng kê tháng được gửi/chốt, Bên A có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hoặc phản hồi nội dung cần điều chỉnh. Quá thời hạn này mà Bên A không có ý kiến thì bảng kê được xem là đã được chấp thuận và là căn cứ thanh toán.

6.3. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi bảng kê được xác nhận hoặc mặc nhiên được chấp thuận, Bên A có trách nhiệm phát hành hóa đơn/chứng từ thanh toán hợp lệ cho Bên B theo giá trị đã đối soát, phù hợp với trạng thái pháp lý, trạng thái thuế và quy định pháp luật áp dụng đối với Bên A. Trường hợp Các Bên có thỏa thuận hợp pháp khác về hóa đơn/chứng từ tại phụ lục, bảng kê hoặc xác nhận giao dịch thì thực hiện theo thỏa thuận đó.

6.4. Bên B có quyền khấu trừ, bù trừ, tạm giữ hoặc trì hoãn thanh toán đối với phần giá trị đang tranh chấp, chưa đủ POD/chứng từ hợp lệ, có sai lệch dữ liệu, có dấu hiệu gian lận, vi phạm quy trình, no-show, hủy chuyến trái quy định, phát sinh nghĩa vụ bồi thường, còn công nợ hoặc còn nghĩa vụ tài chính chưa hoàn thành của Bên A.

6.5. Thời hạn thanh toán cho Bên A áp dụng theo xác nhận trên sàn, báo giá hoặc phụ lục. Nếu không có thỏa thuận riêng:

(i) phần giá trị dịch vụ vận chuyển của Bên A được Bên B thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B nhận đủ hóa đơn/chứng từ thanh toán hợp lệ và bảng kê đã chốt;

(ii) các khoản thu hộ/chi hộ hợp lệ, đã được Bên B/Bên C phê duyệt và có chứng từ phù hợp, được thanh toán hoặc hoàn trả trong vòng 07-14 ngày kể từ ngày Bên B nhận đủ chứng từ hợp lệ và khoản thu hộ/chi hộ đó được xác nhận trên hệ thống hoặc trong bảng kê; và

(iii) phần giá trị đang tranh chấp, tạm giữ, thiếu chứng từ hoặc cần điều chỉnh được thanh toán sau khi nguyên nhân tạm giữ/tranh chấp đã được xử lý xong.

6.6. Việc thanh toán cho Bên A được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Bên A đăng ký và đã được Bên B xác nhận. Mọi thay đổi về tài khoản thanh toán chỉ có hiệu lực sau khi Bên A thông báo hợp lệ và được Bên B xác nhận bằng văn bản, email, thông điệp dữ liệu hoặc trên Nền tảng.

Bên B có quyền tạm giữ, khấu trừ, bù trừ hoặc trì hoãn thanh toán đối với phần giá trị đang tranh chấp, chưa hoàn tất đối soát, thiếu POD, thiếu hóa đơn/chứng từ hợp lệ, có sai lệch dữ liệu, phát sinh khiếu nại, nghĩa vụ bồi thường, hủy chuyến/no-show trái quy định hoặc có dấu hiệu gian lận, cho đến khi nguyên nhân liên quan được xử lý xong.

6.7. Cơ chế giữ tiền, trích phí và phân chia dòng tiền giao dịch

(a) Bên A đồng ý rằng một số giao dịch trên nền tảng có thể được thanh toán thông qua tài khoản đảm bảo thanh toán, tài khoản giữ tiền giao dịch, ví/tài khoản định danh, cổng thanh toán hoặc giải pháp thanh toán do Bên B, Bên C hoặc đơn vị cung cấp giải pháp thanh toán được Bên B/Bên C chỉ định vận hành hoặc hỗ trợ kỹ thuật.

(b) Việc khách hàng/chủ hàng/3PL đã thanh toán tiền vào cơ chế giữ tiền giao dịch không đồng nghĩa với việc Bên A mặc nhiên được nhận thanh toán ngay. Bên A chỉ được nhận thanh toán sau khi chuyển vận chuyển hoàn tất, có POD/chứng từ hợp lệ, dữ liệu vận hành được cập nhật đầy đủ, hóa đơn/chứng từ thanh toán hợp lệ đã được cung cấp, bảng kê đã được đối soát và không còn tranh chấp/tạm giữ hợp lệ.

(c) Số tiền Bên A được nhận cho từng giao dịch được xác định trên cơ sở: giá trị dịch vụ vận chuyển đã được đối soát, cộng phụ phí/khoản chi hộ được phê duyệt hợp lệ, trừ các khoản thuế, phí ngân hàng, phí cổng thanh toán, phí nền tảng/phí dịch vụ nếu theo chính sách phí hoặc xác nhận giao dịch Bên A có nghĩa vụ chịu, khoản phạt, bồi thường, công nợ, khoản tạm ứng, khoản khấu trừ, bù trừ hoặc nghĩa vụ tài chính hợp lệ khác.

(d) Bên A đồng ý để Bên B và/hoặc đơn vị thanh toán được cấp phép do Bên B/Bên C chỉ định thực hiện việc trích phí, khấu trừ, bù trừ, hoàn tiền, phân bổ hoặc thanh toán theo dữ liệu giao dịch, bảng kê đối soát và xác nhận hợp lệ trên Nền tảng. Bên C chỉ cung cấp nền tảng, dữ liệu và hỗ trợ đối soát, không tự mình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc trực tiếp giữ, phân bổ, thanh toán tiền thay cho các bên, trừ khi có giấy phép/chấp thuận hợp lệ và thỏa thuận riêng bằng văn bản.

(e) Trường hợp giao dịch còn tranh chấp, thiếu chứng từ, thiếu POD, dữ liệu GPS không đầy đủ, phát sinh khiếu nại từ khách hàng, no-show, hủy chuyến trái quy định, nghĩa vụ bồi thường hoặc có dấu hiệu gian lận, Bên B/Bên C có quyền yêu cầu tiếp tục giữ lại toàn bộ hoặc một phần khoản thanh toán liên quan cho đến khi giao dịch được xử lý xong.

(f) Bảng kê đã chốt, dữ liệu giao dịch trên nền tảng, thông điệp dữ liệu, chứng từ điện tử và xác nhận giải ngân là căn cứ để xác định giá trị Bên A được nhận, các khoản bị trích/khấu trừ và tình trạng phân chia dòng tiền của từng giao dịch.

(g) Đơn vị cung cấp giải pháp thanh toán, nếu có, chỉ tham gia trong phạm vi cung cấp giải pháp kỹ thuật, tài khoản thanh toán, thu hộ/chi hộ, giữ tiền giao dịch, đối soát hoặc hỗ trợ phân bổ dòng tiền theo thỏa thuận với Bên B/Bên C; không được hiểu là bên vận chuyển, bên sở hữu hàng hóa hoặc bên chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện dịch vụ vận chuyển, trừ khi có thỏa thuận riêng bằng văn bản.

6.8. Đối soát và khấu trừ chi phí nhiên liệu theo kỳ tháng

Trường hợp phát sinh chi phí nhiên liệu theo cơ chế quy định tại Điều 5.6 của Hợp đồng này, chi phí nhiên liệu được tổng hợp, đối soát và khấu trừ theo kỳ tháng trên cơ sở hóa đơn/chứng từ hợp lệ do đơn vị cung cấp nhiên liệu phát hành cho Bên B và bảng kê vận chuyển đã chốt của Bên A.

Bên B có quyền cản trừ trực tiếp giá trị nhiên liệu được ghi nhận hợp lệ vào số tiền dịch vụ vận chuyển phải thanh toán cho Bên A trong kỳ đối soát tương ứng. Số tiền Bên A thực nhận là số tiền còn lại sau khi trừ chi phí nhiên liệu, các khoản thuế, khấu trừ, bù trừ, tạm giữ hoặc nghĩa vụ tài chính khác theo Hợp đồng và bảng kê đã chốt.

Bên A có trách nhiệm kiểm tra, phản hồi số liệu nhiên liệu trong thời hạn phản hồi bảng kê. Quá thời hạn này mà Bên A không có ý kiến thì số liệu nhiên liệu được xem là đã được chấp thuận và là căn cứ để Bên B thực hiện thanh toán, khấu trừ, bù trừ hoặc quyết toán.

Trường hợp chi phí nhiên liệu có sai lệch, thiếu chứng từ, không đủ điều kiện ghi nhận theo Điều 5.6 hoặc phát sinh tranh chấp, Bên B có quyền tạm giữ phần thanh toán liên quan cho đến khi hoàn tất đối chiếu và xử lý.

Điều 7. Nghĩa vụ thuế, hóa đơn và chứng từ thanh toán

7.1. Bên A chịu trách nhiệm phát hành hóa đơn, kê khai, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ về thuế, hóa đơn, chứng từ đối với doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Bên B theo quy định pháp luật.

7.2. Bên B chỉ thanh toán trên cơ sở bảng kê đã chốt và hóa đơn/chứng từ hợp lệ do Bên A cung cấp, trừ trường hợp pháp luật hoặc thỏa thuận giao dịch cụ thể cho phép áp dụng cơ chế khác.

7.3. Trường hợp Bên A cung cấp sai, thiếu, chậm hóa đơn/chứng từ hoặc làm phát sinh truy thu, xử phạt, không được ghi nhận chi phí, không được khấu trừ thuế hoặc gây thiệt hại cho Bên B/Bên C, Bên A phải chịu trách nhiệm tương ứng và bồi hoàn phần thiệt hại phát sinh.

7.4. Mỗi Bên tự chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, hóa đơn, chứng từ và thực hiện nghĩa vụ kế toán/thuế của mình theo quy định pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

8.1. Bên A có quyền nhận đơn hàng phù hợp, được thanh toán đúng hạn theo bảng kê đã chốt và được phản hồi/khiếu nại đối với dữ liệu giao dịch, chi phí hoặc khoản khấu trừ không phù hợp trong thời hạn phản hồi bảng kê.

8.2. Bên A có nghĩa vụ bố trí phương tiện, tài xế và tổ chức vận chuyển đúng yêu cầu đơn hàng; tuân thủ quy định về an toàn giao thông, quy định tại điểm giao/nhận hàng và quy trình vận hành; bảo đảm phương tiện, tài xế và giấy tờ luôn hợp lệ.

8.3. Bên A không được tự ý chuyển giao đơn hàng cho bên thứ ba nếu chưa được Bên B chấp thuận; phải phối hợp xử lý sự cố, khiếu nại, tai nạn hoặc tổn thất phát sinh; bảo mật thông tin khách hàng và thông tin trên nền tảng.

8.4. Bên A có trách nhiệm hoàn trả chứng từ gốc theo quy trình và thời hạn mà Bên B/Bên C thông báo hợp lệ trên hệ thống, email hoặc thông điệp dữ liệu khác.

8.5. Bên A chịu mọi trách nhiệm đối với hành vi, vi phạm, sai sót, thiệt hại do tài xế, nhân viên điều phối, người được ủy quyền, nhà thầu phụ hoặc bên thứ ba mà Bên A huy động để thực hiện giao dịch gây ra.

8.6. KPI/SLA áp dụng đối với Bên A

Bên A có trách nhiệm tuân thủ các chỉ tiêu KPI/SLA áp dụng cho Nhà vận tải trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Kết quả KPI/SLA được đánh giá theo chu kỳ hằng tháng trên cơ sở dữ liệu ghi nhận trên Nền tảng, log hệ thống, GPS, POD, EIR, bảng kê, chứng từ thanh toán, ticket xử lý issue, biên bản hiện trường, email, thông điệp dữ liệu và các tài liệu hợp lệ khác.

STT	Chỉ tiêu KPI	Định nghĩa / cách đo	Mức tiêu chuẩn	Biện pháp xử lý khi vi phạm
1	Tỷ lệ đáp ứng phương tiện trên sàn(chuyển/cont đã chốt thầu)	Số chuyển(cont) chốt thầu được hoàn thành ÷ Tổng số chuyển(cont) đã xác nhận trong kỳ.	$\geq 97\%$	Nhắc nhở/yêu cầu giải trình; nếu tái diễn, giảm mức độ ưu tiên phân đơn, yêu cầu CAPA (Corrective Action and Preventive Action) hoặc tạm dừng nhận chuyển mới tùy mức độ ảnh hưởng.
2	Tỉ lệ tuân thủ update trạng thái cont trên app tài xế	Số lần update muộn, thiếu ÷ Tổng số chuyển thực hiện	$\leq 5\%$	Yêu cầu bổ sung/cập nhật dữ liệu; tính điểm vi phạm KPI; trường hợp ảnh hưởng đối soát, POD hoặc claim, Bên B có quyền tạm giữ phần giá trị liên quan cho đến khi hồ sơ được hoàn tất.
3	Tuân thủ chính sách an toàn	Tỉ lệ số lần vi phạm chính sách an toàn của phương tiện, tài xế tại các điểm giao/nhận cont(có biên bản vi phạm) ÷ Tổng số chuyển thực hiện	$\leq 2\%$	Yêu cầu khắc phục, thay tài xế/phương tiện, cập nhật hồ sơ kiểm soát; trường hợp vi phạm nghiêm trọng, Bên B có quyền tạm dừng phân đơn hoặc chấm dứt quyền tham gia giao dịch theo Hợp đồng
4	Tuân thủ SLA xử lý issue	Số lần phản hồi,xử lý issue trễ(so với SLA cam kết) ÷ Tổng số issue ticket	$\leq 5\%$	Yêu cầu giải trình/CAPA; giảm mức độ ưu tiên phân đơn; trường hợp gây phát sinh chi phí, tổn thất hoặc chậm trễ, Nhà vận tải chịu trách nhiệm đối với phần thiệt hại trực tiếp, hợp lý và có chứng từ chứng minh.
5	POD return	Tỉ lệ chuyển update/hoàn trả POD chính xác, đúng hạn ÷ Tổng số chuyển thực hiện	$\geq 95\%$	Tạm giữ thanh toán đối với chuyển thiếu POD hoặc POD không hợp lệ; chỉ mở thanh toán khi hồ sơ được bổ sung đầy đủ. Trường hợp tái diễn, áp dụng giảm ưu tiên phân đơn hoặc yêu cầu CAPA.

Các trường hợp bất khả kháng, lỗi hệ thống, lỗi của Chủ hàng, lỗi của depot, cảng, hãng tàu, cơ quan chức năng hoặc nguyên nhân khách quan nằm ngoài phạm vi kiểm soát hợp lý của Bên A sẽ không được tính là vi phạm KPI/SLA của Bên A, với điều kiện Bên A đã thông báo kịp thời và cung cấp chứng cứ phù hợp.

Trường hợp Bên A không đạt KPI/SLA, Bên B/Bên C có quyền áp dụng một hoặc nhiều biện pháp quản lý phù hợp, bao gồm: nhắc nhở, yêu cầu giải trình, yêu cầu khắc phục/CAPA, điều chỉnh xếp

hạng vận hành, giảm mức độ ưu tiên phân đơn, giới hạn tuyến/nhóm hàng được nhận, tạm dừng xác nhận chuyển mới, tạm khóa tài khoản vận hành hoặc áp dụng biện pháp khác theo Hợp đồng.

Việc áp dụng phạt vi phạm, tạm giữ, khấu trừ, bù trừ, bồi thường hoặc yêu cầu thanh toán chi phí phát sinh chỉ được thực hiện khi có căn cứ xác định lỗi, nghĩa vụ tài chính hoặc thiệt hại trực tiếp, hợp lý và có chứng từ chứng minh. Đối với các chuyển hoặc khoản giá trị không liên quan đến nội dung tranh chấp, Bên B vẫn thực hiện đối soát và thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

8.7. Trong thời hạn Hợp đồng và 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt, Bên A không được sử dụng thông tin, dữ liệu, giá cước, đơn hàng, tuyến vận chuyển, khách hàng, nhà vận tải, 3PL, chủ hàng, nhà cung cấp, đối tác hoặc bất kỳ đầu mối giao dịch nào do Bên B/Bên C cung cấp, giới thiệu, kết nối hoặc phát sinh từ Nền tảng để giao dịch trực tiếp ngoài hệ thống nhằm né tránh Nền tảng, phí dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán, đối soát hoặc các nghĩa vụ khác với Bên B/Bên C; quy định này không áp dụng đối với các mối quan hệ đã tồn tại độc lập trước khi được chia sẻ trên Nền tảng, các giao dịch do Bên A tự phát triển độc lập mà không sử dụng thông tin/dữ liệu của Nền tảng, hoặc trường hợp được Bên B/Bên C chấp thuận bằng văn bản.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B và Bên C

9.1. Bên B có trách nhiệm điều phối, xác nhận giao dịch, làm đầu mối thương mại với khách hàng/chủ hàng, thực hiện xuất hóa đơn cho khách hàng/chủ hàng theo từng giao dịch phù hợp và thanh toán cho Bên A theo bảng kê đã chốt, trên cơ sở chứng từ/hóa đơn hợp lệ.

9.2. Bên B có quyền kiểm tra điều kiện pháp lý, hồ sơ phương tiện, hồ sơ tài xế, tình trạng tuân thủ và dữ liệu vận hành của Bên A trước, trong và sau thời gian thực hiện Hợp đồng.

9.3. Bên C có trách nhiệm duy trì, quản trị và vận hành nền tảng; ghi nhận dữ liệu giao dịch; hỗ trợ kết nối, cảnh báo, theo dõi và lưu vết thông điệp dữ liệu phát sinh trên hệ thống.

9.4. Bên C là đơn vị vận hành nền tảng, không trực tiếp là bên vận chuyển và không trực tiếp chiếm hữu hàng hóa, nên không chịu trách nhiệm như bên vận chuyển, trừ trường hợp thiệt hại phát sinh trực tiếp do lỗi kỹ thuật của nền tảng do Bên C kiểm soát.

9.5. Bên B/Bên C có quyền từ chối phân đơn, tạm dừng tài khoản, ngừng hợp tác hoặc áp dụng biện pháp quản trị rủi ro nếu Bên A không đáp ứng điều kiện pháp lý, không đạt yêu cầu vận hành hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gian lận hay gây rủi ro nghiêm trọng cho hệ thống.

Điều 10. Trách nhiệm đối với hàng hóa, bảo hiểm và khiếu nại

10.1. Bên A là bên trực tiếp thực hiện vận chuyển và chịu trách nhiệm đối với hàng hóa/container kể từ thời điểm nhận đến thời điểm giao hoàn tất theo dữ liệu giao nhận, EIR/POD, ảnh hiện trường và chứng từ liên quan. Đối với giao dịch vận chuyển nguyên container, nguyên seal, trách nhiệm của Bên A được xác định trên cơ sở tình trạng nguyên vẹn bên ngoài của container, số seal, EIR/biên bản giao nhận tại thời điểm nhận và giao; Bên A không chịu trách nhiệm đối với tổn thất nội tại bên trong container nếu container và seal vẫn nguyên vẹn, trừ trường hợp có chứng cứ rõ ràng chứng minh lỗi của Bên A.

10.2. Bên A có trách nhiệm mua và duy trì đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định pháp luật. Trường hợp báo giá, xác nhận giao dịch, phụ lục hoặc thông điệp dữ liệu hợp lệ có yêu cầu bảo hiểm hàng hóa/chuyển vận chuyên, Bên A có nghĩa vụ thu xếp hoặc duy trì bảo hiểm đó sau khi đã được Bên B thông báo rõ phạm vi bảo hiểm, mức trách nhiệm bảo hiểm và cơ chế phân bổ chi phí bảo hiểm cho giao dịch tương ứng.

10.3. Khi xảy ra mất mát, hư hỏng, giao sai, chậm giao hoặc sự cố vận hành do lỗi của Bên A, Bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế, hợp lý, trực tiếp và có chứng từ chứng minh, bao gồm cả khoản bồi thường mà Bên B phải thanh toán cho khách hàng nếu khoản bồi thường đó phát

sinh hợp lệ và có căn cứ rõ ràng. Đối với giao dịch nguyên container, nguyên seal, việc xác định lỗi của Bên A phải đồng thời xét đến tình trạng container, seal, EIR/POD, ảnh hiện trường, biên bản giao nhận và nghĩa vụ thông báo sự cố.

10.4. Bên A có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B/Bên C và phối hợp với bảo hiểm, cơ quan chức năng, khách hàng/chủ hàng và các bên liên quan để xử lý tổn thất. Việc chậm hoặc không phối hợp xử lý làm mất quyền bảo hiểm hoặc làm tăng thiệt hại sẽ do Bên A chịu trách nhiệm tương ứng.

10.5. Thời hạn khiếu nại liên quan đến mất mát, hư hỏng hoặc thiếu hụt hàng hóa là 15 ngày kể từ ngày hoàn tất giao hàng, trừ khi pháp luật hoặc thỏa thuận giao dịch cụ thể quy định thời hạn khác.

Điều 11. Kiểm tra, đối chiếu dữ liệu và quyền giám sát

11.1. Trong thời hạn Hợp đồng và trong thời gian hợp lý sau khi Hợp đồng chấm dứt để phục vụ đối soát, thuế, kiểm toán hoặc giải quyết tranh chấp, Các Bên có trách nhiệm phối hợp cung cấp hồ sơ, chứng từ, log, dữ liệu và giải trình liên quan đến giao dịch đã thực hiện.

11.2. Bên được yêu cầu có trách nhiệm phản hồi trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu hợp lệ, trừ trường hợp khẩn cấp hoặc có thỏa thuận khác.

11.3. Việc một Bên kiểm tra, xác minh hoặc không kiểm tra hồ sơ của Bên còn lại không làm giảm trừ trách nhiệm độc lập của Bên cung cấp đối với tính chính xác, hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ đó.

Điều 12. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và giới hạn trách nhiệm

12.1. Trường hợp một Bên vi phạm nghĩa vụ cơ bản theo Hợp đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc nhiều biện pháp phù hợp, bao gồm: yêu cầu khắc phục vi phạm, tạm dừng giao dịch, tạm dừng xác nhận đơn hàng, tạm giữ hoặc cản trở thanh toán, tạm khóa tài khoản, chấm dứt Hợp đồng, áp dụng phạt vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.

12.2. Đối với các hành vi hủy chuyển trái quy định, no-show, tự ý chuyển giao đơn hàng, cung cấp sai hoặc thiếu thông tin đơn hàng/hàng hóa/chứng từ, chậm thanh toán không có lý do hợp lệ, vi phạm bảo mật, lách sàn, sử dụng sai dữ liệu Nền tảng hoặc hành vi khác gây rủi ro đáng kể cho giao dịch, hệ thống, khách hàng, đối tác hoặc uy tín của Bên còn lại, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng phạt vi phạm theo mức tối đa pháp luật cho phép trên phần nghĩa vụ bị vi phạm, đồng thời không loại trừ quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh.

12.3. Trách nhiệm bồi thường chỉ áp dụng đối với thiệt hại thực tế, trực tiếp, hợp lý và có chứng từ, tài liệu hoặc dữ liệu hợp lệ chứng minh. Không Bên nào phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại gián tiếp, mất lợi nhuận, mất cơ hội kinh doanh, tổn thất uy tín hoặc các thiệt hại mang tính suy đoán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc thiệt hại phát sinh do hành vi gian lận, cố ý vi phạm, vi phạm bảo mật hoặc lách sàn.

12.4. Trách nhiệm của mỗi Bên được xác định độc lập theo phạm vi nghĩa vụ, vai trò thực tế, mức độ lỗi và thiệt hại trực tiếp do Bên đó gây ra; không Bên nào chịu trách nhiệm thay hoặc liên đới đối với nghĩa vụ của Bên còn lại, trừ khi có thỏa thuận bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

Bên sử dụng dịch vụ chịu trách nhiệm về thông tin đơn hàng, tính hợp pháp của hàng hóa/chứng từ và nghĩa vụ thanh toán; bên trực tiếp vận chuyển chịu trách nhiệm về phương tiện, tài xế, hàng hóa/container, tiến độ, POD, chứng từ và dữ liệu vận hành; Bên B chịu trách nhiệm trong phạm vi đầu mối thương mại, điều phối, đối soát, thanh toán; Bên C chịu trách nhiệm trong phạm vi vận hành Nền tảng và lỗi kỹ thuật do Bên C trực tiếp kiểm soát.

Trừ trường hợp gian lận, cố ý vi phạm, vi phạm bảo mật, lách sàn, hồ sơ giả, vi phạm nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ thanh toán đã đối soát/xác nhận hoặc gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tổng trách

nhiệm bồi thường của mỗi Bên không vượt quá tổng giá trị các giao dịch trực tiếp liên quan trong 06 tháng gần nhất; riêng trách nhiệm của Bên C đối với lỗi kỹ thuật Nền tảng không vượt quá tổng phí nền tảng/phí công nghệ Bên C thực nhận từ các giao dịch đó.

Điều 13. Dữ liệu, bảo mật, tài khoản và chống lách sàn

13.1. Các Bên đồng ý sử dụng email, thông báo trên nền tảng, ứng dụng, API, tin nhắn hoặc các phương thức điện tử khác để tạo đơn, xác nhận giao dịch, cập nhật trạng thái, gửi bảng kê, phản hồi đối soát và trao đổi vận hành. Các Bên thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu theo Luật Giao dịch điện tử 2023.

13.2. Thông điệp dữ liệu, log hệ thống, lịch sử thao tác, email công vụ, dữ liệu GPS, API logs, POD điện tử, ảnh hiện trường và dữ liệu điện tử được trích xuất từ ContainerGo có giá trị làm căn cứ xác minh giao dịch và chứng cứ khi cần thiết theo quy định pháp luật. Khi phát sinh tranh chấp, thứ tự ưu tiên đối chiếu gồm: (i) log hệ thống gốc của ContainerGo; (ii) POD, EIR, biên bản giao nhận hoặc ảnh hiện trường; (iii) dữ liệu GPS và API logs; (iv) email công vụ và thông điệp dữ liệu liên quan, trừ khi Các Bên có thỏa thuận khác cho giao dịch cụ thể.

13.3. Các Bên có trách nhiệm bảo mật tài khoản, mật khẩu, khóa kết nối, dữ liệu khách hàng, dữ liệu nhà vận tải, lịch sử giá, thông tin vận hành và không được chia sẻ cho bên thứ ba trái phép. Mỗi Bên tự chịu trách nhiệm trong phạm vi dữ liệu do mình kiểm soát trực tiếp; trường hợp một Bên xử lý dữ liệu thay mặt Bên khác thì chỉ được xử lý theo phạm vi, mục đích và chỉ dẫn hợp pháp của Bên đó. Khi phát sinh sự cố dữ liệu có khả năng ảnh hưởng đến Bên còn lại, Bên phát hiện phải thông báo trong thời gian sớm nhất hợp lý.

13.4. Không Bên nào được sử dụng dữ liệu, thông tin khách hàng hoặc nhà vận tải, tuyến vận chuyển, lịch sử giá, đầu mối vận hành hoặc thông tin khác có được từ nền tảng để giao dịch trực tiếp ngoài hệ thống nhằm né tránh Bên B hoặc Bên C, trừ trường hợp chứng minh được quan hệ đó đã tồn tại độc lập trước thời điểm tiếp cận thông tin từ nền tảng hoặc được Bên có quyền chấp thuận bằng văn bản.

13.5. Nghĩa vụ bảo mật và chống lách sàn tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn Hợp đồng và 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt. Việc chấm dứt Hợp đồng không làm chấm dứt các nghĩa vụ đã phát sinh trước ngày chấm dứt, bao gồm đối soát, thanh toán, cung cấp chứng từ, xử lý khiếu nại, bồi thường và giải quyết tranh chấp. Nghĩa vụ lưu trữ log, chứng từ điện tử và dữ liệu giao dịch được duy trì trong 12 tháng kể từ ngày phát sinh giao dịch cuối cùng, hoặc theo thời hạn dài hơn nếu pháp luật bắt buộc. Việc lưu trữ và cung cấp dữ liệu chỉ thực hiện trong phạm vi cần thiết, phù hợp với mục đích xử lý dữ liệu và quy định pháp luật.

13.6. Quản lý và sử dụng dữ liệu GPS/API của phương tiện

Bên A đồng ý kết nối và chia sẻ dữ liệu GPS/API của các phương tiện đăng ký tham gia Nền tảng để phục vụ việc điều phối, theo dõi hành trình, xác minh trạng thái vận chuyển, đối soát, xử lý sự cố, khiếu nại và tranh chấp liên quan đến các đơn hàng do Bên A thực hiện trên Nền tảng.

Bên B/Bên C chỉ được thu thập, truy cập và sử dụng dữ liệu GPS/API trong phạm vi cần thiết cho các mục đích nêu trên; không được sử dụng, khai thác, chia sẻ hoặc chuyển giao dữ liệu này cho mục đích ngoài Nền tảng, đặc biệt trong thời gian phương tiện không thực hiện đơn hàng trên Nền tảng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, hoặc việc sử dụng dữ liệu là cần thiết để xử lý sự cố, khiếu nại, tranh chấp phát sinh từ giao dịch đã thực hiện.

Bên C phối hợp với Bên A và/hoặc đơn vị cung cấp GPS/API để triển khai chức năng cho phép Bên A chủ động bật/tắt hoặc tạm ngắt kết nối GPS/API đối với phương tiện không thực hiện đơn hàng trên Nền tảng. Bên A không được tự ý tắt, ngắt, can thiệp hoặc làm sai lệch dữ liệu GPS/API trong thời

gian đang thực hiện đơn hàng đã xác nhận, trừ trường hợp có lý do hợp lệ và được Bên B/Bên C chấp thuận.

Điều 14. Sự kiện bất khả kháng

14.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của Bên bị ảnh hưởng, không thể lường trước và không thể khắc phục dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn ở thiên tai, cháy nổ lớn, chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh nghiêm trọng, quyết định của cơ quan nhà nước, sự cố hạ tầng giao thông hoặc sự cố hệ thống trên diện rộng ngoài khả năng kiểm soát của Bên liên quan.

14.2. Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên còn lại trong thời hạn sớm nhất có thể và nỗ lực tối đa để giảm thiểu thiệt hại. Nghĩa vụ bị ảnh hưởng được tạm hoãn trong phạm vi và thời gian chịu tác động trực tiếp của sự kiện bất khả kháng.

14.3. Bất khả kháng không miễn trừ nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản đã phát sinh, nghĩa vụ bảo mật, nghĩa vụ cung cấp chứng từ và các nghĩa vụ khác theo bản chất vẫn phải tiếp tục thực hiện.

Điều 15. Hiệu lực, chấm dứt, giải quyết tranh chấp và điều khoản cuối cùng

15.1. Hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký điện tử hoặc ngày ký trực tiếp đầu tiên. Nếu hết thời hạn mà Các Bên vẫn tiếp tục giao dịch và không có văn bản chấm dứt thì Hợp đồng được gia hạn tự động từng năm.

15.2. Mỗi Bên có quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên còn lại vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ cơ bản và không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu khắc phục; hoặc khi một Bên không còn đủ điều kiện pháp lý để tiếp tục thực hiện Hợp đồng; hoặc khi việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng có nguy cơ làm một Bên vi phạm quy định bắt buộc của pháp luật.

15.3. Khi Hợp đồng chấm dứt, Các Bên vẫn phải hoàn tất các nghĩa vụ còn tồn đọng về đối soát, bảng kê, hóa đơn, thanh toán, bảo mật, bồi thường, thuế và xử lý dữ liệu phát sinh trước ngày chấm dứt.

15.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng thiện chí trong vòng 30 ngày. Nếu không đạt được thỏa thuận, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh VCCI theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC; địa điểm trọng tài tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; ngôn ngữ tổ tụng là tiếng Việt; luật áp dụng là pháp luật Việt Nam. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ không bị tranh chấp. Mỗi Bên vẫn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ dữ liệu, chứng cứ, hàng hóa hoặc quyền tài sản hợp pháp của mình.

15.5. Các Bên thống nhất rằng Hợp đồng này, phụ lục, báo giá, đơn hàng điện tử, kết quả khớp lệnh trên sàn, bảng kê, email xác nhận và các thông điệp dữ liệu hợp lệ khác là toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên liên quan đến nội dung hợp tác.

15.6. Hợp đồng có thể được ký bằng chữ ký số, chữ ký điện tử hoặc bằng phương thức xác nhận điện tử trên nền tảng. Hợp đồng và tài liệu điện tử được xác lập hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản giấy theo quy định pháp luật.

Hợp đồng được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau nếu ký bản giấy; trường hợp ký điện tử, mỗi Bên được quyền lưu trữ một bản điện tử để thực hiện.

BÊN A NHÀ VẬN TẢI DOANH NGHIỆP	BÊN B CÔNG TY CỔ PHẦN ADDED-VALUE	BÊN C CÔNG TY TNHH CONTAINERGO ADV-TCIS

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)	(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)	(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)